

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com

Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2411738 – 2411740

1. Địa điểm lấy mẫu :

CHI NHÁNH SỐ 2 – CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN VN - TIỀN GIANG

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

2. Phân loại mẫu : Khí thải

3. Ngày lấy mẫu : 26/06/2024

4. Ngày trả kết quả : 03/07/2024

Điểm đo	Chỉ tiêu	Bụi mg/Nm ³	SO ₂ mg/Nm ³	NO ₂ mg/Nm ³	CO mg/Nm ³
E1: Bên trong ống khói lò hơi số 1 Nhiên liệu: DO Đường kính ống khói: 0,8 m		54	0	41	197
E2: Bên trong ống khói lò hơi số 2 Nhiên liệu: DO Đường kính ống khói: 0,8 m		63	0	19	185
E3: Bên trong ống khói lò hơi số 3 Nhiên liệu: DO Đường kính ống khói: 0,8 m		47	0	23	165
Phương pháp đo, xác định	US EPA Method 5	HD – NB 05			
QCVN 19:2009/BTNMT, Giá trị C; Cột B (Kp = 1 và Kv = 1)		200	500	850	1000

KT. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy

Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2411741 – 2411743

1. Địa điểm lấy mẫu :

CHI NHÁNH SỐ 2 – CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN VN - TIỀN GIANG

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

2. Phân loại mẫu : Khí thải3. Ngày lấy mẫu : 26/06/20244. Ngày trả kết quả : 03/07/2024

Chỉ tiêu	SO ₂ mg/Nm ³	NO ₂ mg/Nm ³	CO mg/Nm ³
Điểm đo			
E4: Bên trong ống khói máy phát điện số 1 Nhiên liệu: dầu DO Đường kính ống khói: 0,3m	0	29	164
E5: Bên trong ống khói máy phát điện số 2 Nhiên liệu: dầu DO Đường kính ống khói: 0,3m	0	34	195
E6: Bên trong ống khói máy phát điện số 3 Nhiên liệu: dầu DO Đường kính ống khói: 0,3m	0	45	174
Phương pháp đo, xác định	HD – NB 05		
QCVN 19:2009/BTNMT, Giá trị C; Cột B (Kp = 1 và Kv = 1)	500	850	1000

KT. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên

- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2411835 – 2411836

1. Địa điểm lấy mẫu :

CHI NHÁNH SỐ 2 – CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN VN - TIỀN GIANG

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

2. Phân loại mẫu : Khí thải3. Ngày lấy mẫu : 26/06/20244. Ngày trả kết quả : 03/07/2024

Điểm đo	Chỉ tiêu	Bụi mg/Nm ³
E7: Bên trong ống thải bụi sau xử lý của Hệ thống tải malt từ silo đến máy nghiền Đường kính ống khói: 0,4 m		108
E8: Bên trong ống thải bụi sau xử lý của Hệ thống tải malt từ máy nghiền đến bồn chứa bột malt Đường kính ống khói: 0,4 m		119
Phương pháp đo, xác định		US EPA Method 5
QCVN 19:2009/BTNMT, cột B		200

KT. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc BáuGhi chú:

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên.
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- Giá trị nồng độ giới hạn trên chưa tính đến hệ số vùng (Kv) và hệ số lưu lượng nguồn thải (Kp)



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2411971 – 2411976

1. Địa điểm lấy mẫu :

CHI NHÁNH SỐ 2 – CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN VN - TIỀN GIANG

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

2. Phân loại mẫu : Khí thải3. Ngày lấy mẫu : 27/06/20244. Ngày trả kết quả : 04/07/2024

Điểm đo	Chỉ tiêu	Bụi mg/Nm ³
E9: Bên trong ống thải bụi sau xử lý của Hệ thống vệ sinh khu silo Đường kính ống khói: 0,4 m		93
E10: Bên trong ống thải bụi sau xử lý của Hệ thống vệ sinh khu nghiền bột Đường kính ống khói: 0,4 m		121
E11: Bên trong ống thải bụi sau xử lý của Hệ thống tải gạo từ silo đến máy nghiền Đường kính ống khói: 0,4 m		107
E12: Bên trong ống thải bụi sau xử lý của Hệ thống tải gạo từ máy nghiền đến bồn chứa bột gạo Đường kính ống khói: 0,4 m		115
E13: Bên trong ống thải bụi sau xử lý của Hệ thống nhập liệu gạo Đường kính ống khói: 0,4 m		124
E14: Bên trong ống thải bụi sau xử lý của Hệ thống nhập liệu malt Đường kính ống khói: 0,4 m		127
Phương pháp đo, xác định		US EPA Method 5
QCVN 19:2009/BTNMT, cột B		200

KT. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Bái

Ghi chú:

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- Giá trị nồng độ giới hạn trên chưa tính đến hệ số vùng (Kv) và hệ số lưu lượng nguồn thải (Kp)

BM02-QT7.8

Lần ban hành: 01-2020



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2411977

1. Địa điểm lấy mẫu :

CHI NHÁNH SỐ 2 – CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN VN - TIỀN GIANG

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

2. Phân loại mẫu : Nước thải3. Thông tin mẫu : NT – Nước thải sau hệ thống xử lý4. Ngày lấy mẫu : 27/06/20245. Ngày trả kết quả : 04/07/2024

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C, Cột A	Phương pháp phân tích
01	Lưu lượng ^(*)	m ³ /h	51	-	-	HD 279 – ĐO LLNT
02	Nhiệt độ	°C	28,7	-	40	SMEWW 2550B:2023
03	Màu (pH = 7)	Pt – Co	21	-	50	SMEWW 2120C:2023
04	pH	-	7,72	-	6 – 9	TCVN 6492:2011
05	BOD ₅	mg/L	18	-	30	SMEWW 5210B:2023
06	COD	mg/L	42	-	75	SMEWW 5220C:2023
07	TSS	mg/L	24	-	50	TCVN 6625:2000
08	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	KPH	0,03	0,2	SMEWW 4500.S ²⁻ .B&D:2023
09	N – NH ₄ ⁺	mg/L	KPH	0,5	5	TCVN 5988:1995
10	Tổng Nito	mg/L	10,8	-	20	TCVN 6638:2000
11	Tổng Phospho	mg/L	1,3	-	4	SMEWW 4500-P.B&E:2023
12	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	104,5	-	500	SMEWW 4500.Cl ⁻ .B:2023
13	Florua (F ⁻)	mg/L	KPH	0,06	5	SMEWW 4500.F.B&D:2023
14	Asen (As)	mg/L	KPH	0,001	0,05	SMEWW 3113B:2023
15	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH	0,00015	0,005	SMEWW 3112B:2023
16	Chì (Pb)	mg/L	KPH	0,0015	0,1	SMEWW 3113B:2023
17	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH	0,00015	0,05	SMEWW 3113B:2023
18	Đồng (Cu)	mg/L	KPH	0,03	2	SMEWW 3111B:2023
19	Kẽm (Zn)	mg/L	KPH	0,03	3	SMEWW 3111B:2023

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com

Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C, Cột A	Phương pháp phân tích
20	Sắt (Fe)	mg/L	KPH	0,08	1	SMEWW 3111B:2023
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH	1	5	SMEWW 5520B&F:2023
22	Coliform	MPN/ 100mL	$1,7 \times 10^3$	-	3000	SMEWW 9221B:2023

KT. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú:

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện; (*): Thông tin do Khách hàng cung cấp
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp
- Giá trị tiêu chuẩn trên chưa tính đến hệ số lưu lượng/dung tích nguồn tiếp nhận nước thải (Kq) và hệ số lưu lượng nguồn thải (Kf)



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com

Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2412199

1. Địa điểm lấy mẫu :

CHI NHÁNH SỐ 2 – CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN VN - TIỀN GIANG

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

2. Phân loại mẫu : Bùn thải

3. Thông tin mẫu : BT – Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải

4. Ngày lấy mẫu : 27/06/2024

5. Ngày trả kết quả : 11/07/2024

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 50:2013/BTNMT	Phương pháp phân tích
					Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H ₁₀ , T = 0,287	
01	pH	-	6,01	-	2 – 12,5	US EPA Method 9040C + US EPA Method 9045D
02	Asen (As)	ppm	KPH	0,3	12,9	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010
03	Bạc (Ag)	ppm	KPH	5,0	32,3	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010
04	Cadimi (Cd)	ppm	KPH	0,15	3,23	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010
05	Chì (Pb)	ppm	KPH	3,0	97	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000
06	Selen (Se)	ppm	KPH	0,3	6,5	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010
07	Bari (Ba)	ppm	KPH	3,0	645	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010
08	Coban (Co)	ppm	KPH	10	516	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B
09	Kẽm (Zn)	ppm	KPH	5,0	1613	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B
10	Niken (Ni)	ppm	KPH	6,0	452	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B
11	Thủy ngân (Hg)	ppm	KPH	0,06	1,3	US EPA Method 7471B
12	Crom VI (Cr ⁶⁺)	ppm	KPH	3,0	32,3	US EPA Method 3060A + US EPA Method 7196A
13	Tổng Xyanua (CN ⁻)(*)	ppm	KPH	0,5	190	EPA Method 9013A+ EPA Method 9010C+ EPA Method 9014
14	Tổng dầu	ppm	26,5	-	323	US EPA Method 9071B
15	Phenol (C ₆ H ₅ OH)(*)	mg/L	KPH	0,001	1.000(**)	US EPA Method 3510C+ US EPA Method 1311+ US EPA Method 8270D
16	Benzen (C ₆ H ₆)	ppm	KPH	0,05	3,2	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8260D

KT. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú:

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty
- Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện
- (*): Chỉ tiêu thực hiện bởi nhà thầu phụ Vimcerts 292; (**): Giá trị so sánh với ngưỡng nguy hại tính theo nồng độ ngâm chiết C_{nc} (mg/L)
- T là tỷ số giữa khối lượng thành phần rắn khô trong mẫu bùn thải trên tổng khối lượng mẫu bùn thải
- QCVN 50:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước